

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 45



# CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tasco (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập Đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ Doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đến thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần 24 ngày 08/10/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 thay đổi lần 24 ngày 08/10/2020 là 2.686.319.650.000 đồng (Hai nghìn, sáu trăm tám mươi sáu tỷ, ba trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tasco Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: HUD - TASCO.

Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: HUT.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Huy Tuấn	Phó chủ tịch (Bổ nhiệm Phó chủ tịch ngày 19 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Việt Tân	Thành viên (Miễn nhiệm Phó chủ tịch ngày 19 tháng 6 năm 2021)
Bà Phạm Thị Chi	Thành viên
Bà Trần Hải Yến	Thành viên
Bà Đỗ Thanh Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
Ông Nguyễn Danh Hiếu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2021)

#### Ban Kiểm soát

Bà Bùi Kim Ngân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Dương Thụ	Thành viên
Bà Lê Thị Ngọc	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Tân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Khuất Trung Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 29/4/2021, thời gian từ ngày 01/5/2021 đến ngày 01/5/2026)

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu tại mục 7.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Việt Tân**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Số: 200/2021/BCSX-CPA VIETNAM- NV1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tasco**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tasco được lập ngày 26/8/2021, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc  
Thay mặt và đại diện**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.520.537.159.699</b>	<b>1.584.995.879.740</b>
(100 = 110+120+130+140+150)				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>77.171.491.332</b>	<b>54.548.922.527</b>
1. Tiền	111		41.173.156.457	41.548.922.527
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.998.334.875	13.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>38.558.398.516</b>	<b>39.595.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	38.558.398.516	39.595.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.372.438.647.872</b>	<b>1.438.280.852.296</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	429.423.843.491	602.156.392.372
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	23.467.028.640	24.985.638.520
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	479.792.288.861	404.702.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	449.169.904.430	415.851.238.954
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(9.414.417.550)	(9.414.417.550)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>32.348.440.804</b>	<b>52.447.240.118</b>
1. Hàng tồn kho	141		32.348.440.804	52.447.240.118
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.181.175</b>	<b>123.864.799</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	11.455.075	115.138.699
2. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	5.10	8.726.100	8.726.100
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.296.956.596.754</b>	<b>3.338.338.948.590</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>393.513.954.670</b>	<b>402.352.143.091</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	393.513.954.670	402.352.143.091
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>5.11</b>	<b>10.434.279.248</b>	<b>11.097.245.078</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		10.434.279.248	11.097.245.078
- Nguyên giá	222		32.853.468.028	32.853.468.028
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.419.188.780)	(21.756.222.950)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	-	-
- Nguyên giá	228		2.925.326.637	2.925.326.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.925.326.637)	(2.925.326.637)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.13</b>	<b>1.010.470.836.682</b>	<b>1.041.950.384.450</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		561.186.920.267	614.726.749.147
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		449.283.916.415	427.223.635.303
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>1.881.108.821.160</b>	<b>1.881.108.821.160</b>
1. Đầu tư vào Công ty con	251		1.562.591.316.160	1.562.591.316.160
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		333.525.205.000	333.525.205.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.800.000.000	22.800.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(42.807.700.000)	(42.807.700.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	5.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.428.704.994</b>	<b>1.830.354.811</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.428.704.994	1.830.354.811
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>4.817.493.756.453</b>	<b>4.923.334.828.330</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.392.306.183.730</b>	<b>1.557.029.848.649</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>594.591.344.212</b>	<b>621.961.178.516</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	178.181.081.211	196.804.409.518
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	45.027.925.684	72.963.762.527
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	38.178.896.526	18.911.141.740
4. Phải trả người lao động	314		3.428.152.025	4.676.592.480
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	54.625.324.507	55.927.453.139
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	74.900.471.977	80.042.573.569
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	178.835.114.501	171.200.856.762
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		21.414.377.781	21.434.388.781
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>797.714.839.518</b>	<b>935.068.670.133</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.19	1.064.608.658	706.390.441
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	621.197.440.851	634.864.991.683
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	175.452.790.009	299.497.288.009
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.425.187.572.723</b>	<b>3.366.304.979.681</b>
<b>(400 = 410+430)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>3.425.187.572.723</b>	<b>3.366.304.979.681</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		84.728.083.395	84.824.223.592
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		119.932.273.161	119.932.273.161
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		534.207.566.167	475.228.832.928
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		475.455.145.553	433.299.472.656
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		58.752.420.614	41.929.360.272
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.817.493.756.453</b>	<b>4.923.334.828.330</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Phạm Thị Thúy

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Viết Tân

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	45.604.523.930	19.684.334.432
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	446.916.163	9.725.455.486
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		45.157.607.767	9.958.878.946
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	35.380.697.557	13.365.688.699
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		9.776.910.210	(3.406.809.753)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	67.462.283.950	107.655.606.204
7. Chi phí tài chính	22	6.5	-	1.173.578
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	1.173.578
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	849.954.172	16.693.262
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	13.816.666.224	12.815.447.542
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		62.572.573.764	91.415.482.069
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.622.911.064	803.878.859
12. Chi phí khác	32	6.7	1.725.595.493	2.867.421.746
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(102.684.429)	(2.063.542.887)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		62.469.889.335	89.351.939.182
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	3.717.468.721	9.954.767.686
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		58.752.420.614	79.397.171.496

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Phạm Thị Thúy

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Viết Tân



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		62.469.889.335	89.351.939.182
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		575.583.828	1.388.653.176
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(67.462.283.950)	(107.655.606.204)
- Chi phí lãi vay	06		-	1.173.578
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.416.810.787)	(16.913.840.268)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		149.770.681.706	38.115.646.172
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		20.098.799.314	(59.802.421.122)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		33.731.009.232	57.861.875.914
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		505.333.441	470.429.555
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(2.003.982.542)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.772.985.662)	(6.414.101.392)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>181.916.027.244</b>	<b>11.313.606.317</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23.046.266.424)	(10.859.429.370)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		481.876.187	350.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(134.890.785.893)	(66.508.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		58.637.098.516	3.598.206.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(248.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		43.500.000.000	94.973.907.713
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.379.020.046	6.904.336.148
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(42.939.057.568)</b>	<b>28.211.020.491</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		22.052.312.525	62.096.723.481
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(138.406.713.396)	(118.272.295.432)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(116.354.400.871)</b>	<b>(56.175.571.951)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>22.622.568.805</b>	<b>(16.650.945.143)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.1</b>	<b>54.548.922.527</b>	<b>59.544.521.446</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>77.171.491.332</b>	<b>42.893.576.303</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Thúy

Trần Thị Thanh

Nguyễn Việt Tân

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập Đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ Doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đến thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần 24 ngày 08/10/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 thay đổi lần 24 ngày 08/10/2020 là 2.686.319.650.000 đồng (*Hai nghìn, sáu trăm tám mươi sáu tỷ, ba trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tasco Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: HUD - TASCO.

Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: HUT.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2021 là 72 (tại ngày 31/12/2020 là 72).

#### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng đường hầm;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện, nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đại lý bán điện; Sản xuất điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn lập dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; Tư vấn quản lý dự án công trình, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng; Tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi, và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế kỹ thuật thi công công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, cầu đường bộ; Tư vấn lập quy hoạch xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đầu tư vào các Công ty con hoạt động trong lĩnh vực BOT, dịch vụ y tế, quản lý.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Công ty được gia hạn thời gian nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thuê đất năm 2021 theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ và được giảm lãi suất tiền vay theo quy định Ngân hàng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có các Công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

TT	Tên Công ty	Trụ sở	Tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b>					
1	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Hà Nội	51,00	51,00	Khai thác VLXD
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	99,97	99,97	Xây lắp
3	Công ty Cổ phần VETC	Hà Nội	97,82	97,82	Dịch vụ
4	Công ty CP Bệnh viện Mắt Hà Nội cơ sở 2	Hà Nội	67,00	67,00	Y tế
5	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Nam Định	100	100	Xây lắp
6	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Hạ tầng giao thông
7	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Bình	100	100	Hạ tầng giao thông
8	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Hải Phòng	100	100	Hạ tầng giao thông
9	Công ty TNHH T'Hospital	Hà Nội	100	100	Đầu tư lĩnh vực y tế
10	Công ty TNHH An Nhiên Foods	Hòa Bình	100	100	Nông nghiệp
11	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Hà Nội	100	100	Dịch vụ
<b>Công ty con sở hữu gián tiếp</b>					
12	Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	Hà Nội	98,08	98,08	Dịch vụ thu phí
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>					
1	Công ty Cổ phần BĐS Thái An	Hà Nội	30,00	30,00	Kinh doanh BĐS
2	Công ty Cổ phần Tasco Thăng Long	Hà Nội	30,00	30,00	Kinh doanh BĐS
3	Công ty Cổ phần D-Tech	Hà Nội	20,00	20,00	Khai thác VLXD
4	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Hà Nội	38,61	38,61	Xây lắp
5	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng - Phú Thọ	Phú Thọ	30,00	30,00	Hạ tầng giao thông

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

#### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/06/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

***Các khoản đầu tư khác:*** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

**Thời gian khấu hao  
(Số năm)**

- Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là kế toán và phần mềm quản lý được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 07 năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác, theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong kỳ, có 21.744.402.795 đồng (kỳ trước: 8.817.708.650 đồng) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay.
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.
- Các chi phí phải trả khác



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, Phí quản lý vận hành Dự án Xuân Phương nhận trước; không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê tài sản.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá bất động sản, doanh thu xây lắp, cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế...

**Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

**Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)*****Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán là hàng hóa bất động sản: điều chỉnh giảm giá bán căn hộ theo quyết toán dự án báo nhân dân và Văn phòng TW Đảng.
- Các khoản giảm trừ doanh thu của hợp đồng xây dựng: giảm trừ theo biên bản quyết toán khối lượng xây dựng hoàn thành.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

***Ưu đãi, miễn giảm thuế***

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện áp mái: Công ty được miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế nhưng không quá 3 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm, Năm 2021 là năm thứ 2 Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Bất động sản và duy nhất trong lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	455.732.428	476.428.345
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.717.424.029	41.072.494.182
Các khoản tương đương tiền (*)	35.998.334.875	13.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>77.171.491.332</b>	<b>54.548.922.527</b>

(\*) Là khoản tiền gửi theo hình thức Dbon có kỳ hạn 1 tháng lãi suất 8%/năm và các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ một đến ba tháng lãi suất từ 3,5% đến 4%/năm.

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>30/6/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>38.558.398.516</b>	<b>38.558.398.516</b>	<b>39.595.000.000</b>	<b>39.595.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn(i)	38.558.398.516	38.558.398.516	39.595.000.000	39.595.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
Trái phiếu (ii)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 5 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,5% đến 4,9%/năm.

(ii) Trái Phiếu Vietcombank lãi suất thả nổi; kỳ hạn 10 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư Công ty con</b>	<b>1.562.591.316.160</b>	<b>(*)</b>	<b>(17.850.000.000)</b>	<b>1.562.591.316.160</b>	<b>(*)</b>	<b>(17.850.000.000)</b>
Công ty TNHH MTV Tasco 6	65.180.000.000		-	65.180.000.000		-
Công ty CP Tasco Nam Thái	299.900.000.000		-	299.900.000.000		-
Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	328.130.000.000		-	328.130.000.000		-
Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	1.000.000.000		-	1.000.000.000		-
Công ty CP Tasco Thành Công	6.120.000.000		-	6.120.000.000		-
Công ty CP VETC	247.300.000.000		-	247.300.000.000		-
Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng (2)	395.600.000.000		-	395.600.000.000		-
Công ty TNHH THospital	158.600.000.000		-	158.600.000.000		-
Công ty TNHH An Nhiên Foods	8.000.000.000		-	8.000.000.000		-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	2.418.316.160		-	2.418.316.160		-
Công ty CP Bệnh viện mắt Hà Nội cơ sở 2	17.850.000.000		(17.850.000.000)	17.850.000.000		(17.850.000.000)
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	32.493.000.000			32.493.000.000		-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư Công ty liên kết</b>	<b>333.525.205.000</b>	(*)	(24.957.700.000)	<b>333.525.205.000</b>	(*)	(24.957.700.000)
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (**)	239.567.505.000		-	239.567.505.000		-
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng -Phú Thọ	69.000.000.000		-	69.000.000.000		-
Công ty CP Bất động sản Thái An	21.157.700.000		(21.157.700.000)	21.157.700.000		(21.157.700.000)
Công ty CP Tasco Thăng Long	1.800.000.000		(1.800.000.000)	1.800.000.000		(1.800.000.000)
Công ty CP D - Tech	2.000.000.000		(2.000.000.000)	2.000.000.000		(2.000.000.000)
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>22.800.000.000</b>		-	<b>22.800.000.000</b>		-
Công ty CP COTABIG	300.000.000		-	300.000.000		-
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD 8	4.500.000.000		-	4.500.000.000		-
Công ty TNHH Môi trường Tasco Củ Chi	18.000.000.000		-	18.000.000.000		-
<b>Tổng</b>	<b>1.918.916.521.160</b>		<b>(42.807.700.000)</b>	<b>1.918.916.521.160</b>		<b>(42.807.700.000)</b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Giá trị thị trường khoản đầu tư vào Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty thấp hơn giá gốc tuy nhiên Công ty không thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính do đây là khoản đầu tư tài chính dài hạn.

*Thông tin về Tỷ lệ sở hữu vốn và Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư dài hạn khác (xem tại Thuyết minh 1.6)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>429.423.843.491</b>	<b>602.156.392.372</b>
Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm (i)	244.883.010.283	244.883.010.283
Khách hàng dự án khu nhà ở sinh thái Xuân Phương (ii)	35.960.799.936	170.246.927.368
RISEN SEA SERIES I CO., LIMITED	40.500.000.000	84.000.000.000
Các đối tượng khác	108.080.033.272	103.026.454.721
<b>Tổng</b>	<b>429.423.843.491</b>	<b>602.156.392.372</b>
<b><i>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i></b>	<b>2.686.418.607</b>	<b>2.422.418.607</b>

*(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.3)*

- (i) Khoản phải thu Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm là giá trị phải thu theo Hợp đồng BT số 68/HĐBT để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu Đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (BT Lê Đức Thọ).
- (ii) Khoản phải thu 5% giá trị hợp đồng của khách hàng mua nhà dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**5.4 Trả trước cho người bán**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Trả trước người bán ngắn hạn</b>	<b>23.467.028.640</b>	<b>24.985.638.520</b>
Công ty CP Tasco Trường Sơn	4.642.440.508	2.198.020.129
Công ty CP Xây lắp Thành Nam	2.919.628.808	2.919.628.808
Công ty CP đầu tư và xây dựng Tiên Phát	-	4.452.921.456
Công ty CP xây lắp 279	2.774.259.671	2.774.259.671
Công ty CP xây lắp Thái An	-	1.148.511.000
Đối tượng khác	13.130.699.653	11.492.297.456
<b>Tổng</b>	<b>23.467.028.640</b>	<b>24.985.638.520</b>
<b><i>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i></b>	<b>1.502.500.000</b>	<b>1.312.500.000</b>

*(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.3)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.5 Phải thu về cho vay**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>479.792.288.861</b>	<b>404.702.000.000</b>
Công ty CP bệnh viện mắt Hà Nội cơ sở 2	46.776.000.000	46.776.000.000
Công ty TNHH An Nhiên Foods	20.799.000.000	20.799.000.000
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	5.650.000.000	5.650.000.000
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	406.567.288.861	327.277.000.000
Đối tượng khác	-	4.200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>479.792.288.861</b>	<b>404.702.000.000</b>
<i>Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>479.792.288.861</i>	<i>402.502.000.000</i>

**5.6 Các khoản phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>449.169.904.430</b>	<b>(5.400.421.625)</b>	<b>415.851.238.954</b>	<b>(5.400.421.625)</b>
Tạm ứng	15.909.113.200	(3.286.973.157)	15.812.224.224	(3.286.973.157)
Ký cược, ký quỹ	-	-	40.500.000.000	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	251.503.046.668	-	215.927.738.420	-
UBND Quận Nam Từ Liêm (i)	48.324.177.720	-	48.324.177.720	-
Phải thu khác:	133.433.566.842	(2.113.448.468)	95.287.098.590	(2.113.448.468)
<i>Các khoản phải thu khác từ Công ty con</i>	<i>90.823.608.173</i>	<i>-</i>	<i>72.821.286.523</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>42.609.958.669</i>	<i>(2.113.448.468)</i>	<i>22.465.812.067</i>	<i>(2.113.448.468)</i>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>393.513.954.670</b>	<b>-</b>	<b>402.352.143.091</b>	<b>-</b>
Ký quỹ dài hạn (ii)	63.734.215.566	-	63.734.215.566	-
Công ty TNHH MTV Tasco 6 (iii)	271.226.084.394	-	280.064.272.815	-
Các khoản khác	58.553.654.710	-	58.553.654.710	-
<b>Tổng</b>	<b>842.683.859.100</b>	<b>(5.400.421.625)</b>	<b>818.203.382.045</b>	<b>(5.400.421.625)</b>
<i>Trong đó: Phải thu là bên liên quan</i> <i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>341.527.919.641</i>	<i>-</i>	<i>289.217.890.565</i>	<i>-</i>

- (i) Phải thu UBND Quận Nam Từ Liêm giá trị hoàn trả suất đầu tư hạ tầng của các lô đất công cộng thuộc Dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương.
- (ii) Ký quỹ dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 3.
- (iii) Phải thu dài hạn chi phí đầu tư xây dựng tuyến tránh TP Nam Định đoạn từ QL10 đến TT Mỹ Lộc (BOT).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.7 Nợ xấu***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>	9.414.417.550	-	9.414.417.550	-
Ban QLDA đầu tư XD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường TP Hà Nội	832.240.780	-	832.240.780	-
Lưu Trọng Hương	404.729.706	-	404.729.706	-
Nguyễn Đăng Hải	2.567.050.662	-	2.567.050.662	-
Nguyễn Huy Trọng	52.615.733	-	52.615.733	-
Trần Minh Quang	262.577.056	-	262.577.056	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch - Kiến trúc Việt Nam	48.000.000	-	48.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Thái An	1.326.902.195	-	1.326.902.195	-
Công ty CP đầu tư và xây dựng cầu đường số 18.6	896.979.347	-	896.979.347	-
Công ty CP đầu tư XD và phát triển Chiến Thắng	838.288.061	-	838.288.061	-
Công ty POSCO E&C, LTD- Thầu XD gói thầu A2 - đường CT Nội Bài - Lào Cai	71.585.542	-	71.585.542	-
Nguyễn Minh Tuyên	2.113.448.468	-	2.113.448.468	-
<b>Tổng</b>	<b>9.414.417.550</b>	<b>-</b>	<b>9.414.417.550</b>	<b>-</b>

**5.8 Hàng tồn kho***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm là hàng hóa BĐS	32.348.440.804	-	52.447.240.118	-
<b>Tổng</b>	<b>32.348.440.804</b>	<b>-</b>	<b>52.447.240.118</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.9 Chi phí trả trước**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.455.075</b>	<b>115.138.699</b>
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	11.455.075	115.138.699
<b>Dài hạn</b>	<b>1.428.704.994</b>	<b>1.830.354.811</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.215.245.238	1.324.650.707
Chi phí hoàn thiện nội thất văn phòng chờ phân bổ	213.459.756	505.704.104
<b>Tổng</b>	<b>1.440.160.069</b>	<b>1.945.493.510</b>

**5.10 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2021
<b>Phải nộp</b>	<b>18.911.141.740</b>	<b>48.060.244.888</b>	<b>28.792.490.102</b>	<b>38.178.896.526</b>
Thuế giá trị gia tăng	801.184.219	14.911.877.509	8.404.373.498	7.308.688.230
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	17.924.283.138	30.167.787.695	17.772.985.662	30.319.085.171
Thuế thu nhập cá nhân	185.674.383	1.486.730.137	1.478.885.460	193.519.060
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.490.849.547	1.133.245.482	357.604.065
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	01/01/2021	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	30/6/2021
<b>Phải thu</b>	<b>8.726.100</b>	-	-	<b>8.726.100</b>
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.726.100	-	-	8.726.100

- (i) Phần thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp trong kỳ bao gồm cả thuế TNDN nộp thay cho Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Hà Việt tương ứng với các sản phẩm thuộc dự án khu nhà ở sinh thái Xuân Phương đã bán theo uỷ quyền của Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Hà Việt trong hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội.

**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**5.11 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dung cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2021	15.546.155.013	1.437.176.091	13.002.769.204	2.867.367.720	32.853.468.028
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/6/2021</b>	<b>15.546.155.013</b>	<b>1.437.176.091</b>	<b>13.002.769.204</b>	<b>2.867.367.720</b>	<b>32.853.468.028</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2021	7.879.523.967	1.437.176.091	9.600.473.046	2.839.049.846	21.756.222.950
Tăng trong kỳ	273.808.254	-	366.996.042	22.161.534	662.965.830
Khấu hao trong kỳ	273.808.254	-	366.996.042	22.161.534	662.965.830
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/6/2021</b>	<b>8.153.332.221</b>	<b>1.437.176.091</b>	<b>9.967.469.088</b>	<b>2.861.211.380</b>	<b>22.419.188.780</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2021	7.666.631.046	-	3.402.296.158	28.317.874	11.097.245.078
<b>Số dư tại 30/6/2021</b>	<b>7.392.822.792</b>	<b>-</b>	<b>3.035.300.116</b>	<b>6.156.340</b>	<b>10.434.279.248</b>

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2021: 13.471.146.626 đồng (tại ngày 31/12/2020: 13.303.996.626 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.12 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2021	2.925.326.637	2.925.326.637
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2021	<u>2.925.326.637</u>	<u>2.925.326.637</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2021	2.925.326.637	2.925.326.637
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2021	<u>2.925.326.637</u>	<u>2.925.326.637</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2021	-	-
Tại 30/06/2021	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2021: 2.925.326.637 đồng (Tại ngày 31/12/2020: 2.925.326.637 đồng).

**5.13 Tài sản dở dang dài hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
Dự án Khu đô thị mới Vân Canh	266.603.560.240	266.603.560.240	271.387.548.865	271.387.548.865
Dự án xây dựng nhà ở cho CB Báo Nhân dân và Văn phòng TW Đảng	720.243.246	720.243.246	728.323.702	728.323.702
Dự án khu nhà ở sinh thái tại xã Xuân Phương -Foresa villa	293.863.116.781	293.863.116.781	342.610.876.580	342.610.876.580
<b>Tổng</b>	<u>561.186.920.267</u>	<u>561.186.920.267</u>	<u>614.726.749.147</u>	<u>614.726.749.147</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh,  
phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.13 Tài sản dở dang dài hạn (Tiếp theo)**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến đường 70	335.744.178.478	313.997.271.394
Dự án 48 Trần Duy Hưng	8.141.590.646	8.049.718.984
Dự án nhà ở cho CB CNV Bộ ngoại giao	1.013.790.768	1.013.790.768
Dự án Khu chức năng đô thị Xuân Phương	54.410.953.846	54.410.953.846
Dự án tòa nhà văn phòng Tasco	26.577.460.782	25.722.090.280
Dự án nhà máy điện gió Gia Lai	4.039.344.494	3.956.482.471
Dự án điện mặt trời mái nhà Farm Kỳ Sơn	13.058.741.662	12.851.092.388
Các công trình khác	6.297.855.739	7.222.235.172
<b>Tổng</b>	<b>449.283.916.415</b>	<b>427.223.635.303</b>

**5.14 Phải trả người bán**

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<b>Ngắn hạn</b>	<b>178.181.081.211</b>	<b>178.181.081.211</b>	<b>196.804.409.518</b>	<b>196.804.409.518</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng NASACO	10.053.744.101	10.053.744.101	10.053.744.101	10.053.744.101
Công ty Cổ phần Sông Hồng	1.421.163.001	1.421.163.001	3.436.616.001	3.436.616.001
Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông Yên Bái	24.788.096.600	24.788.096.600	23.644.942.000	23.644.942.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & xây dựng HUD3	4.593.367.856	4.593.367.856	5.770.030.799	5.770.030.799
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Constrexim	5.206.241.638	5.206.241.638	5.806.241.638	5.806.241.638
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	70.916.443.879	70.916.443.879	75.754.905.469	75.754.905.469
Các đối tượng khác	61.202.024.136	61.202.024.136	72.337.929.510	72.337.929.510
<b>Tổng</b>	<b>178.181.081.211</b>	<b>178.181.081.211</b>	<b>196.804.409.518</b>	<b>196.804.409.518</b>
<b>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>72.734.864.386</b>	<b>72.734.864.386</b>	<b>77.615.851.362</b>	<b>77.615.851.362</b>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.3)</i>				

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.15 Người mua trả tiền trước**

	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>45.027.925.684</b>	<b>72.963.762.527</b>
Nguyễn Thị Minh Uyên	3.600.000.000	3.600.000.000
Các đối tượng khác	41.427.925.684	69.363.762.527
<b>Tổng</b>	<b>45.027.925.684</b>	<b>72.963.762.527</b>

**5.16 Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>54.625.324.507</b>	<b>55.927.453.139</b>
Trích trước giá vốn - Dự án Vân Canh	9.133.760.383	9.133.760.383
Trích trước giá vốn - Dự án Nhà ở Báo Nhân Dân và VPTW Đảng	29.985.508.944	31.717.346.352
Trích trước giá vốn - Dự án Pháp Vân	6.948.006.001	7.006.238.385
Trích trước chi phí các công trình xây lắp	65.885.842	65.885.842
Trích trước chi phí lãi vay BT Lê Đức Thọ	6.162.538.416	5.431.689.101
Chi phí khác	2.329.624.921	2.572.533.076
<b>Tổng</b>	<b>54.625.324.507</b>	<b>55.927.453.139</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội.

**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.17 Vay và nợ cho thuê tài chính***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>178.835.114.501</b>	<b>178.835.114.501</b>	<b>22.052.312.525</b>	<b>14.418.054.786</b>	<b>171.200.856.762</b>	<b>171.200.856.762</b>
Công ty TNHH MTV Tasco	3.004.589.836	3.004.589.836	-	-	3.004.589.836	3.004.589.836
Hải Phòng						
Công ty TNHH THOSPITAL	72.550.000.000	72.550.000.000	-	850.000.000	73.400.000.000	73.400.000.000
Lê Thị Bích Hạnh	-	-	4.941.459	232.385.643	227.444.184	227.444.184
Phạm Quang Dũng	103.280.524.665	103.280.524.665	21.865.996.410	247.000.000	81.661.528.255	81.661.528.255
Trần Thanh Long	-	-	181.374.656	10.088.669.143	9.907.294.487	9.907.294.487
Nguyễn Trung Tiến	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>175.452.790.009</b>	<b>175.452.790.009</b>	<b>-</b>	<b>124.044.498.000</b>	<b>299.497.288.009</b>	<b>299.497.288.009</b>
Ngân hàng ĐT và PT	39.709.851.009	39.709.851.009	-	115.444.500.000	155.154.351.009	155.154.351.009
Việt Nam - CN Nam Định						
Ngân hàng Phát triển	134.309.600.000	134.309.600.000	-	8.400.000.000	142.709.600.000	142.709.600.000
Việt Nam - CN Nam Định						
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu	1.433.339.000	1.433.339.000	-	199.998.000	1.633.337.000	1.633.337.000
PETROLIMEX - CN Hà Nội.						
<b>Tổng</b>	<b>354.287.904.510</b>	<b>354.287.904.510</b>	<b>22.052.312.525</b>	<b>138.462.552.786</b>	<b>470.698.144.771</b>	<b>470.698.144.771</b>
<i>Trong đó: Bên liên quan</i>	<i>178.835.114.501</i>	<i>178.835.114.501</i>	<i>22.047.371.066</i>	<i>14.185.669.143</i>	<i>170.973.412.578</i>	<i>170.973.412.578</i>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.3)</i>						

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

### 5.17 Vay và nợ cho thuê tài chính (Tiếp theo)

#### Thông tin cho khoản vay ngắn hạn:

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay vốn số 30/2019/HĐVV ngày 04/6/2019 và các phụ lục gia hạn thời gian đến 31/12/21 giữa Công ty Cổ phần Tasco và Công ty TNHH T'Hospital với giá trị 100 tỷ đồng, mục đích vay bù đắp cho dự án BT Lê Đức Thọ, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất 5,5%/năm thanh toán cuối kỳ.
- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay vốn số 01/2018/HĐVV/TASCO-HP ngày 28/9/2018 và các phụ lục gia hạn thời gian đến 31/12/2021 với giá trị 40 tỷ đồng giữa Công ty Cổ phần Tasco và Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng, mục đích vay bù đắp cho dự án BT Lê Đức Thọ, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất 5,5%/năm thanh toán cuối kỳ, Khoản vay tín chấp.
- Các khoản vay cá nhân theo từng hợp đồng riêng lẻ, thời hạn 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: bù đắp cho dự án BT Lê Đức Thọ vay tín chấp.

#### Thông tin cho các khoản vay dài hạn:

##### *Các khoản vay dài hạn cho các dự án BOT:*

Công ty đang vay dài hạn tại các Ngân hàng để thực hiện các dự án BOT. Nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn thu từ trạm thu phí theo Hợp đồng BOT đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại trạm thu phí Mỹ Lộc để hoàn vốn cho Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10 (BOT21).

##### *Các khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:*

- Hợp đồng số 11/2008/HĐTĐĐT tháng 09/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

##### *Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:*

- Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

##### *Các khoản vay dài hạn cho các dự án BT:*

##### *Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:*

- Hợp đồng số 01/2015/HĐTD/BIDV-TASCO ngày 09 tháng 03 năm 2015, số tiền vay tối đa 970.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn tối đa 24 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ là 36 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70). Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**5.18 Phải trả khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>74.900.471.977</b>	<b>80.042.573.569</b>
Kinh phí công đoàn	96.966.982	54.720.252
Bảo hiểm xã hội;	133.900.375	139.890.275
Bảo hiểm y tế	22.954.350	23.981.190
Bảo hiểm thất nghiệp	7.651.450	7.993.730
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.374.815.420	10.374.815.420
Tiền sử dụng đất dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân phương còn phải nộp	-	958.761.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	64.264.183.400	68.482.411.702
<b>Dài hạn</b>	<b>621.197.440.851</b>	<b>634.864.991.683</b>
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt (i)	398.382.747.984	398.382.747.984
Phải trả phải nộp dài hạn khác	222.814.692.867	236.482.243.699
<b>Tổng</b>	<b>696.097.912.828</b>	<b>714.907.565.252</b>

- (i) Phải trả dài hạn Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt góp vốn liên doanh theo Hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET về việc Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) theo hình thức Xây dựng - chuyển giao (BT).

**5.19 Doanh thu chưa thực hiện**

	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.064.608.658</b>	<b>706.390.441</b>
Doanh thu quản lý vận hành KĐT	1.064.608.658	706.390.441
<b>Tổng</b>	<b>1.064.608.658</b>	<b>706.390.441</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**5.20 Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	2.686.319.650.000	84.921.165.989	117.253.273.161	434.908.545.461	3.323.402.634.611
Tăng trong năm	-	-	2.679.000.000	43.535.287.467	46.214.287.467
Lãi trong năm	-	-	-	41.929.360.272	41.929.360.272
Tăng khác	-	-	2.679.000.000	1.605.927.195	4.284.927.195
Giảm trong năm	-	(96.942.397)	-	(3.215.000.000)	(3.311.942.397)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(3.215.000.000)	(3.215.000.000)
Giảm khác	-	(96.942.397)	-	-	(96.942.397)
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>2.686.319.650.000</b>	<b>84.824.223.592</b>	<b>119.932.273.161</b>	<b>475.228.832.928</b>	<b>3.366.304.979.681</b>
Số dư tại 01/01/2021	2.686.319.650.000	84.824.223.592	119.932.273.161	475.228.832.928	3.366.304.979.681
Tăng trong kỳ	-	-	-	58.978.733.239	58.978.733.239
Lãi trong kỳ	-	-	-	58.752.420.614	58.752.420.614
Tăng khác (i)	-	-	-	226.312.625	226.312.625
Giảm trong kỳ	-	(96.140.197)	-	-	(96.140.197)
Giảm khác (ii)	-	(96.140.197)	-	-	(96.140.197)
<b>Số dư tại 30/06/2021</b>	<b>2.686.319.650.000</b>	<b>84.728.083.395</b>	<b>119.932.273.161</b>	<b>534.207.566.167</b>	<b>3.425.187.572.723</b>

(i) Phần điều chỉnh tăng thêm do quyết toán thuế TNDN năm 2020.

(ii) Phí quản lý niêm yết năm 2021 và phí cung cấp danh sách Cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Vốn góp của cổ đông	2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
<b>Tổng</b>	<b>2.686.319.650.000</b>	<b>2.686.319.650.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	268.631.965	268.631.965
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	268.631.965	268.631.965
Cổ phiếu phổ thông	268.631.965	268.631.965
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	268.631.965	268.631.965
Cổ phiếu phổ thông	268.631.965	268.631.965
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	119.932.273.161	119.932.273.161
<b>Tổng</b>	<b>119.932.273.161</b>	<b>119.932.273.161</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 .

**5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ**

*Nợ khó đòi đã xử lý*

	<b>Số tiền nợ</b>
	<b>VND</b>
<b>Đối tượng</b>	
Công ty TNHH Lưu Thảo Vy	124.000.000
Ban QLDA NN&PT NT Nam Định	27.658.859
VP Hội Đồng ND-UBND tỉnh Nam Định	29.804.000
UBND huyện Trực Ninh	30.914.000
Công ty CP XD Thủy lợi Ninh Bình	198.469.912
Công ty CP Tàu thủy Hoàng Anh	61.600.000
Ban QLDA Đầu tư XD - Thị xã Phủ Lý	34.135.000
Công ty CP Đầu tư & XD HUD 3	42.451.250
Công ty ĐTXD phát triển đô thị số 4	49.001.450
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sông Đà	364.262.853
Công ty CP TV XD Hà Tây	107.883.300
Công ty CP XD CT đô thị Nam Định	18.337.885
Công ty CP Đầu tư XD Việt Nhật	35.938.875
Phạm Đăng Khởi	11.649.400
Vũ Văn Dũng	27.694.731
Phạm Văn Toàn	22.165.608
Trần Thị Bích Hạnh	19.288.000
Ban QLDA Đầu tư XD huyện Hải Hậu	20.000.000
UBND huyện Giao Thủy	75.681.173
BQL Dự án Khu vực tỉnh Nam Định	49.901.000
Công ty CP Licogi 13	325.974.526
Công ty CP PTMT KCN & Đô thị Việt Nhật	109.450.000
Công ty CP Tư vấn công trình và Kỹ nghệ Đỉnh cao	59.854.000
Công ty CP Tư vấn giáo dục Sao Tím	24.750.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	70.000.000
Công ty CP tư vấn thiết kế XDCT & TM AET	130.000.000
Công ty CP Thủy điện MEGASTAR- Hồng Nam	17.710.000
Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Nam Định	116.860.000
Công ty CP TIC	30.853.699.510
Công ty CP Thẩm định giá và đầu tư VIC	50.000.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thiên Hà	1.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>34.109.135.332</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh Bất động sản	38.919.209.894	7.582.435.169
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.199.387.184	1.726.516.614
Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.517.521.818	10.375.382.649
Doanh thu điện mái nhà	968.405.034	-
<b>Tổng</b>	<b>45.604.523.930</b>	<b>19.684.334.432</b>
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> (Chi tiết tại thuyết minh 7.3)	<i>300.000.000</i>	<i>126.340.266</i>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giảm giá hợp đồng xây dựng	31.920.000	171.804.545
Giảm giá hàng bán bất động sản	414.996.163	9.553.650.941
<b>Tổng</b>	<b>446.916.163</b>	<b>9.725.455.486</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản	30.080.454.953	1.243.289.712
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.646.650.747	2.474.769.244
Giá vốn hợp đồng xây dựng	3.134.808.509	9.647.629.743
Giá vốn điện mái nhà	518.783.348	-
<b>Tổng</b>	<b>35.380.697.557</b>	<b>13.365.688.699</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Cổ tức lợi nhuận được chia	44.948.738.748	39.970.651.777
Lãi chuyển nhượng đầu tư	-	47.309.473.296
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.315.608.026	20.277.496.756
Doanh thu hoạt động tài chính khác	197.937.176	97.984.375
<b>Tổng</b>	<b>67.462.283.950</b>	<b>107.655.606.204</b>

**6.5 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền vay	-	1.173.578
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>1.173.578</b>

**6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>13.816.666.224</b>	<b>12.815.447.542</b>
Chi phí nhân viên quản lý	7.654.515.370	7.106.742.784
Chi phí đồ dùng văn phòng	185.941.595	66.645.931
Chi phí khấu hao TSCĐ	514.269.384	1.271.510.118
Thuế, phí và lệ phí	124.750.870	323.945.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.469.544.448	1.575.222.100
Chi phí bằng tiền khác	2.867.644.557	2.471.381.088
<b>b) Chi phí bán hàng</b>	<b>849.954.172</b>	<b>16.693.262</b>
Chi phí nhân viên quản lý	746.621.823	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.350.551	-
Chi phí khác bằng tiền	96.981.798	16.693.262
<b>Tổng</b>	<b>14.666.620.396</b>	<b>12.832.140.804</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6.7 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ phạt hợp đồng	1.015.607.293	156.074.672
Thu nhập khác	607.303.771	647.804.187
<b>Tổng</b>	<b>1.622.911.064</b>	<b>803.878.859</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	1.725.595.493	2.867.421.746
<b>Tổng</b>	<b>1.725.595.493</b>	<b>2.867.421.746</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(102.684.429)</b>	<b>(2.063.542.887)</b>

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>62.469.889.335</b>	<b>89.351.939.182</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>1.515.814.703</b>	<b>392.551.027</b>
<i>Chi phí khác không được trừ</i>	<i>1.515.814.703</i>	<i>392.551.027</i>
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>45.398.360.434</b>	<b>39.970.651.777</b>
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>44.948.738.748</i>	<i>39.970.651.777</i>
<i>Thu nhập được ưu đãi thuế</i>	<i>449.621.686</i>	
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	18.587.343.604	49.773.838.432
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.717.468.721	9.954.767.686
<b>Tổng</b>	<b>3.717.468.721</b>	<b>9.954.767.686</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin tài chính khác**

Trong kỳ 2020 Công ty nhận được bản án sơ thẩm số 18/2020/KDTMST ngày 12/9/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Hoài Đức về vụ kiện tranh chấp hợp đồng kinh tế số 477/HUD-HĐKT, theo bản án Tòa án nhân dân Huyện Hoài Đức buộc Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và Đô thị trả cho Công ty Cổ phần Tasco số tiền 191,78 tỷ đồng (gốc và lãi). Công ty Cổ phần Tasco không chấp nhận nên đã làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Huyện Hoài Đức yêu cầu HUD bàn giao 12.870 m<sup>2</sup> đất cho TASCOS. Ngày 25/01/2021 Công ty đã nhận được thông báo về việc thụ lý án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Ngày 03/6/2021 Tòa Án nhân dân thành phố Hà Nội đã gửi công văn đến UBND Thành phố Hà Nội để thu thập tài liệu, căn cứ của vụ án. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá thận trọng và cho rằng vấn đề trên chưa ảnh hưởng cần thiết điều chỉnh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Sau khi Bản án Phúc thẩm có hiệu lực, Công ty sẽ đánh giá ảnh hưởng và thực hiện các điều chỉnh, công bố trên Báo cáo tài chính riêng (nếu có).

Theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2021, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư, Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành 80.000.000 cổ phiếu giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá 800.000.000.000 đồng, dự kiến thực hiện trong kỳ 2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Từ ngày 27/4/2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục bùng phát lần thứ tư tại Việt Nam với những diễn biến phức tạp, khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2021.

**7.3 Thông tin về các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Ban Tổng Giám đốc	Lương, Thù lao	2.287.231.860	2.739.408.317
	Lương	1.114.093.723	956.464.068

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
<b>Bán hàng</b>			<b>300.000.000</b>	<b>126.340.266</b>
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Công ty liên kết	Cho thuê Tài sản cố định	60.000.000	60.000.000
Công ty TNHH T'Hospital	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	240.000.000	--
Công ty Cổ phần Bất động sản Thái An	Công ty liên kết	Doanh thu dịch vụ	-	26.181.818
Công ty TNHH MTV Tasco 6	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	-	40.158.448
<b>Mua hàng</b>			<b>1.947.540.113</b>	<b>2.823.751.752</b>
Công ty TNHH Dịch vụ Tasco	Công ty con	Dịch vụ vận hành tòa nhà	1.851.540.113	-
Công ty TNHH MTV Tasco 6	Công ty con	Mua dịch vụ	96.000.000	240.963.388
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	2.582.788.364



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
<b>Vay</b>			<b>22.047.371.066</b>	<b>59.494.516.666</b>
Phạm Quang Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Vay ngắn hạn	21.865.996.410	50.058.748.975
Trần Thanh Long	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Vay ngắn hạn	181.374.656	9.435.767.691

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
<b>Cho vay</b>			<b>79.290.288.861</b>	<b>50.508.000.000</b>
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	Công ty con	Cho vay	79.290.288.861	48.500.000.000
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	Công ty liên kết	Cho vay	-	810.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Tasco 6	Công ty con	Cho vay	-	1.198.000.000

**c. Số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			<b>2.686.418.607</b>	<b>2.422.418.607</b>
Công ty Cổ phần bệnh viện mắt Hà Nội cơ sở 2	Công ty con	Phải thu khách hàng	529.060.000	529.060.000
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	47.850.000	47.850.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Thái An	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	1.630.600.000	1.630.600.000
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Công ty con	Phải thu khách hàng	214.908.607	214.908.607
Công ty TNHH T'Hospital	Công ty con	Phải thu khách hàng	264.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>01/01/2021 VND</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>			<b>479.792.288.861</b>	<b>402.502.000.000</b>
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mắt Hà Nội cơ sở 2	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn	46.776.000.000	46.776.000.000
Công ty TNHH An Nhiên Foods	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn	20.799.000.000	20.799.000.000
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng-Phú Thọ	Công ty liên kết	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5.650.000.000	5.650.000.000
Công ty TNHH Tasco Quảng Bình	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn	406.567.288.861	327.277.000.000
<b>Trả trước cho người bán</b>			<b>1.502.500.000</b>	<b>1.312.500.000</b>
Công ty TNHH An Nhiên Foods	Công ty con	Trả trước cho người bán	1.502.500.000	1.312.500.000
<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>01/01/2021 VND</b>
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>			<b>341.527.919.641</b>	<b>289.217.890.565</b>
Công ty TNHH MTV Tasco 6	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	-	4.920.000
Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	151.444.329.473	131.911.110.295
Công ty Cổ phần VETC	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	485.484.931	485.484.931
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	76.191.908.221	59.326.630.893
Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	245.960.000	245.960.000
Công ty TNHH An Nhiên Foods	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	3.772.676.680	3.153.835.200
Công ty Cổ phần Bệnh viện mắt Hà Nội cơ sở 2	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	10.369.318.341	9.847.015.499
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	3.400.000	3.400.000
Công ty Cổ phần BĐS Thái An	Công ty liên kết	Phải thu khác ngắn hạn	101.264.800	101.264.800
Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	93.248.987.724	78.473.679.476
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Công ty liên kết	Phải thu khác ngắn hạn	5.664.589.471	5.664.589.471

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>01/01/2021 VND</b>
<b>Phải thu khác dài hạn</b>			<b>329.779.739.104</b>	<b>338.617.927.525</b>
Công ty TNHH MTV Tasco 6	Công ty con	Phải thu khác dài hạn	271.226.084.394	280.064.272.815
Phạm Thị Nhài	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Phải thu khác dài hạn	58.553.654.710	58.553.654.710
<b>Phải trả người bán</b>			<b>72.734.864.386</b>	<b>77.615.851.362</b>
Tổng Công ty Thăng Long – CTCP	Công ty con	Phải trả người bán	70.916.443.879	75.754.905.469
Công ty Cổ phần BĐS Thái An	Công ty liên kết	Phải trả người bán	404.962.605	404.962.605
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Công ty con	Phải trả người bán	312.527.153	455.732.539
Công ty TNHH một thành viên Tasco 6	Công ty con	Phải trả người bán	1.100.930.749	1.000.250.749
<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>01/01/2021 VND</b>
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>			<b>11.788.240.581</b>	<b>11.788.240.581</b>
Công ty TNHH T'Hospital	Công ty con	Phải trả khác ngắn hạn	8.710.259.590	8.710.259.590
Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Công ty con	Phải trả khác ngắn hạn	3.077.980.991	3.077.980.991
<b>Phải trả khác dài hạn</b>			<b>136.637.679.496</b>	<b>142.637.679.496</b>
Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Công ty con	Phải trả khác dài hạn	2.064.301.684	2.064.301.684
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Công ty con	Phải trả khác dài hạn	134.573.377.812	140.573.377.812
<b>Vay và nợ</b>			<b>178.835.114.501</b>	<b>170.973.412.578</b>
Công ty TNHH T'Hospital	Công ty con		72.550.000.000	73.400.000.000
Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Công ty con		3.004.589.836	3.004.589.836
Phạm Quang Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị		103.280.524.665	81.661.528.255
Trần Thanh Long	Bên liên quan của thành viên HĐQT		-	9.907.294.487
Nguyễn Trung Tiến	Bên liên quan của thành viên HĐQT		-	3.000.000.000

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

### **7.4 Công cụ tài chính**

#### **Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

#### **Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

#### **Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.171.491.332	54.548.922.527
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.262.693.285.041	1.410.945.356.867
Các khoản cho vay	479.792.288.861	404.702.000.000
Đầu tư ngắn hạn	38.558.398.516	39.595.000.000
Đầu tư dài hạn	27.800.000.000	27.800.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.886.015.463.750</b>	<b>1.937.591.279.394</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	354.287.904.510	470.698.144.771
Phải trả người bán và phải trả khác	874.278.994.039	911.711.974.770
Chi phí phải trả	54.625.324.507	55.927.453.139
<b>Tổng</b>	<b>1.283.192.223.056</b>	<b>1.438.337.572.680</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

#### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**Công nợ tài chính**

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>30/6/2021</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	253.081.553.188	621.197.440.851	874.278.994.039
Chi phí phải trả	54.625.324.507	-	54.625.324.507
Các khoản vay	178.835.114.501	175.452.790.009	354.287.904.510
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>01/01/2021</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	276.846.983.087	634.864.991.683	911.711.974.770
Chi phí phải trả	55.927.453.139	-	55.927.453.139
Các khoản vay	171.200.856.762	299.497.288.009	470.698.144.771

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

### 7.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

#### Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

#### Tài sản tài chính

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>30/6/2021</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.171.491.332	-	77.171.491.332
Phải thu khách hàng và phải thu khác	869.179.330.371	393.513.954.670	1.262.693.285.041
Các khoản cho vay	479.792.288.861	-	479.792.288.861
Đầu tư ngắn hạn	38.558.398.516	-	38.558.398.516
Đầu tư dài hạn	-	27.800.000.000	27.800.000.000
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>01/01/2021</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.548.922.527	-	54.548.922.527
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.008.593.213.776	402.352.143.091	1.410.945.356.867
Các khoản cho vay	404.702.000.000	-	404.702.000.000
Đầu tư ngắn hạn	39.595.000.000	-	39.595.000.000
Đầu tư dài hạn	-	27.800.000.000	27.800.000.000

### 7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Phạm Thị Thúy

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Tân